

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HSST

Ngày 20/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT TỈNH THANH HOÁ.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà: **Ngô Thị T** - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Trương Văn B** - Trưởng phòng Tư pháp Huyện Mường lát

2. Bà: **Ngô Thị L** - Hiệu trưởng trường Tiểu học Pù nhì, Mường lát

Thư ký phiên toà: Bà: **Lê Thị H** - Thư ký Toà án

Đại diện VKSND: Ông: **Phạm Viết T** - Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường lát, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử công khai, vụ án hình sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/HSST ngày 01 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/HSST ngày 06 tháng 5 năm 2021. Đối với bị cáo:

Vi Văn T, sinh năm 1997. Quê quán và nơi cư trú: Bản Pùng, xã Quang chiếu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái. Trình độ văn hóa: 9/12.

Bố: Vi Văn N, sinh năm 1976. Mẹ kế: Lương Thị T, sinh năm 1976. Bố, mẹ kế của bị cáo sinh sống bằng nghề trồng trọt và cư trú tại: Bản Pùng, xã Quang chiếu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Tiền sự: Không. Tiền án: Bị xử phạt 03 (ba) năm tù giam về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo Bản án số: 29/2016/HSST ngày 09/12/20216 của TAND huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/12/2020, chuyển tạm giam ngày 27/12/2020, giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, Hôm nay có mặt.

* **Người bị hại:** Hà Văn T, sinh năm 2000, trú tại bản Pùng, xã Quang Chiếu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông: **Hà Văn K**, Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

NHẬN THẤY

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 18/12/2020 bị cáo và Hà Văn T, sinh năm 2000, cùng trú tại bản Pùng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa tham gia uống rượu tại một đám cưới nhà người quen trong bản. Sau khi uống rượu ở đám cưới, bị cáo đi bộ theo đường dân sinh liên thôn thì gặp và xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát, đánh nhau (*bằng chân, tay không*) với T và bị cáo bị T tát và cào vào mặt, nhờ có mọi người can ngăn nên cả hai mới dừng lại để đi về nhà. Khi về đến nhà, T đắp chăn ngủ tại tầng gầm sàn của gia đình, còn bị cáo vẫn bực tức nên lấy một thanh sắt ở nhà mình làm hung khí để tìm đánh Thượng. Bà Lương Thị T, sinh năm 1976 (là mẹ kế của bị cáo) can ngăn, giằng lấy thanh sắt từ tay bị cáo cất đi, bị cáo tiếp tục cầm một chiếc kéo hồng (*kéo còn một lưỡi với phần cán bằng nhựa, màu tím, phần lưỡi kéo sắc, nhọn bằng kim loại*) đi đến nhà T, bà T đi theo sau can ngăn nhưng bị cáo không nghe. Khi đến trước nhà T, bị cáo gặp chị Lò Thị N, sinh năm 1988 và một số người nữa ở cùng bản đang ngồi sưởi ấm quanh một đồng lửa ngoài trời, bị cáo hỏi có ai thấy T ở nhà không, do biết hai bên vừa xảy ra xô xát nên chị N trả lời là không, tuy nhiên bị cáo đã nhìn thấy xe máy T để trước nhà nên đi vào trong nhà tìm, chị N đi theo can ngăn nhưng không được. Bị cáo bước đến chỗ T đang ngủ dưới nền nhà, ngồi xuống, dùng tay trái kéo chăn khỏi đầu T, nhìn thấy mặt T thì dùng tay phải cầm kéo đâm liên tiếp hai nhát theo hướng từ trên xuống dưới, chéch từ trái sang phải vào vùng mặt T. Sau khi bị đâm T mới tỉnh lại, hoảng loạn, kêu gào đau đớn; chị Nằm đứng trước cửa nhìn thấy máu chảy ra nhiều trên mặt T thì kêu to là “*T chết rồi!*” và ngất đi vì hoảng sợ, mọi người từ ngoài sân trong đó có bà T cùng chạy vào nhà can ngăn. Bị cáo dùng chân đá thêm một cái vào mặt T, lúc này bà T đẩy bị cáo ra ngoài sân, giằng lấy phần lưỡi kéo bằng kim loại trên tay bị cáo ném đi, còn phần cán kéo bằng nhựa bị cáo vẫn cầm trên tay. Ngay sau đó, bị cáo đi bộ theo đường dân sinh liên thôn về nhà mình, trên đường về đã ném phần cán kéo bằng nhựa còn lại; T được mọi người đưa đến Bệnh viện Đa khoa huyện Mường Lát cứu chữa, do thương tích nặng nên lần lượt được chuyển tuyến đến Bệnh viện mắt Thanh Hóa, Bệnh viện mắt Trung ương cứu chữa. Sau khi xảy ra sự việc, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ đối tượng để phục vụ công tác điều tra xử lý theo quy định.

Tại các Biên bản xem xét dấu vết thân thể do Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát lập ngày 18/12/2020 đối với Hà Văn T đã phát hiện các dấu vết thương tích liên quan như sau:

- Trên thân thể Hà Văn T có:

+ 01 (một) vết thương rách da, sâu sát xương, bờ mép sắc gọn, trên cung lông mày trái, xuyên qua nhãn cầu mắt trái, kích thước 1,5cm x 0,5cm, miệng vết thương đang chảy máu;

+ 01 (một) vết thương rách da, sâu sát xương, bờ mép sắc gọn trên sống mũi, kích thước 1,5cm x 0,2cm, miệng vết thương đang chảy máu.

Ngày 21/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát ra Quyết định trưng cầu giám định số: 133/CSĐT, trưng cầu Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an tiến hành giám định xác định tỷ lệ thương tích của anh Hà Văn T.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 9265/C09-TT1, ngày 25/12/2020 của Viện khoa học Hình sự, Bộ Công an, kết luận: *Đối chiếu với Bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Hà Văn T tại thời điểm giám định tối thiểu là 06% (Sáu phần trăm).*

Ngày 14/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số: 01/CSĐT, trưng cầu Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an tiến hành giám định bổ sung xác định tỷ lệ thương tích của anh Hà Văn T.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số: 380/C09-TT1, ngày 02/02/2021 của Viện khoa học Hình sự, Bộ Công an, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Hà Văn T như sau: *Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Hà Văn T tại thời điểm giám định là 44% (Bốn mươi bốn phần trăm).*

Cơ chế hình thành thương tích như sau:

- *Tổn thương cung mày trái, mắt trái của anh Hà Văn T do vật sắc nhọn gây ra.*

- *Tổn thương vùng sống mũi phải của anh Hà Văn T do vật sắc hoặc sắc nhọn gây ra.*

- *Kết quả giám định xác định lưỡi kéo gửi giám định (đã tạm giữ trong quá trình điều tra từ bà Lương Thị T) gây được các tổn thương trên của anh Hà Văn T.*

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại công nhận, sau khi bị hại đi điều trị thì có ông Vi Văn Năng - sinh năm 1976 là bố đẻ của bị cáo đã ba lần đến hỏi thăm và đưa cho bố, mẹ bị hại với tổng số tiền là 2.600.000đ (*hai triệu sáu trăm nghìn đồng*). Khi bị hại về nhà đã yêu cầu người nhà bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 40.190.000đ (*Bốn mươi triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*), bao gồm các khoản: Chi phí thuốc men điều trị tại bệnh viện và sau khi ra viện, chi phí phương tiện đi lại, ăn, ở, ngày công lao động của bị hại và người nhà đi theo chăm sóc tại bệnh viện, tiền đền bù tổn thất tinh thần của bị hại. Tuy nhiên,

người bị hại và bị cáo chưa thỏa thuận thống nhất được việc bồi thường dân sự nêu trên. Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được việc bồi thường thiệt hại, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 40.190.000đ (*Bốn mươi triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*) cho bị hại.

Về trách nhiệm hình sự, bị hại đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những hành vi trên, cáo trạng số 16/CT-VKS-ML ngày 31/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát đã truy tố bị cáo với nội dung: *Truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mường Lát để xét xử bị can: Vi Văn T, về tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự Nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

Tranh luận và luận tội:

- **Ý kiến của KSV:** Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thái độ ăn năn hối cải; Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại 2.600.000 đồng là đã khắc phục một phần hậu quả. Do bị cáo có tiền án về tội “*Cố ý gây thương tích*”, chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*”. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung của bản Cáo trạng, ngoài ra còn có quan điểm cho rằng, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo dùng lưỡi kéo có đầu sắc, nhọn là hung khí nguy hiểm; Thực hiện trong tình trạng người bị hại đang ngủ là không có khả năng tự vệ và bị cáo cố tình thực hiện hành vi gây thương tích đến cùng là có tính chất côn đồ; Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật, xử bị cáo như sau:

Về điều luật: Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, c, i khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Xử phạt: bị cáo từ **06 (Sáu)** năm đến **06 (sáu)** năm **06 (sáu)** tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 40.190.000đ (*Bốn mươi triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*). Tại phiên Tòa, các bên tự thỏa thuận, bị cáo chấp nhận bồi thường cho bị hại số tiền nêu trên, đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

Về tang vật: Đề nghị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

- **Ý kiến người bào chữa:** Người bào chữa cho bị cáo đồng ý quan điểm của vị đại diện VKS về tội danh và điều luật áp dụng định khung, định tội và các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo, về áp dụng điểm i khoản 1 điều 134 về phạm tội có tính chất côn đồ, người bào chữa cho rằng, do bị hại đánh bị cáo trước là có lỗi trước nên bị cáo mới nảy sinh việc trả thù, vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo một phần do lỗi của bị hại, đề nghị không áp dụng điểm i khoản 1 điều 134 đối với bị cáo. Người bào chữa cho rằng bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng

có điều kiện kinh tế - Xã hội khó khăn, nhận thức xã hội thấp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không nghĩ sẽ dẫn đến hậu quả làm tổn thương sức khỏe của Hà Văn Thượng đề nghị hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, sớm trở về với gia đình và cộng đồng.

- Ý kiến bị cáo: Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Bị cáo nói lời sau cùng: Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xử mức thấp nhất để bị cáo sớm trở về với cộng đồng, gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến người bào chữa cho bị cáo, lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên, người làm chứng, đại diện cho người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với ý kiến của người bào chữa và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:* Hành vi của bị cáo dùng một bên của lưỡi kéo đâm liên tiếp vào vùng mặt của Hà Văn T dẫn đến tổn thương cơ thể là 44%, đã xâm phạm đến sức khỏe của Hà Văn T, gây bức xúc trong dư luận và làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người chứng kiến, ý kiến của người bào chữa và chứng cứ khác trong hồ sơ đủ cơ sở khẳng định bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Đây là loại tội phạm nghiêm trọng, Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì sức khỏe là tài sản vô giá của con người, bản thân Bị cáo biết việc dùng một bên của lưỡi kéo nhọn, sắc đâm liên tiếp vào vùng mặt của người khác có thể gây nên thương tích nhưng vẫn cố tình thực hiện, làm cho Thương bị thương nặng, tổn thương cơ thể là 44%, gây hoang mang cho gia đình và cả cộng đồng dân cư trên địa bàn.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, về sức khỏe của con người (Đối tượng được pháp luật trân trọng và bảo vệ), hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự xã hội, cần xử lý nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Việc áp dụng điểm i khoản 1 điều 134 về phạm tội có tính chất côn đồ, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong khi đang say rượu nên bản thân không ý thức được việc làm của mình gây thương tích nặng cho bị hại, bản thân bị hại có lỗi là đã đánh bị cáo trước, việc này không thể hiện trong hồ sơ vụ án nhưng tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đều công nhận đúng. HĐXX chấp nhận đề nghị của người bào chữa, không áp dụng điểm i khoản 1 điều 134 về “*phạm tội có tính chất côn đồ*” đối với bị cáo.

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; Gia đình bị cáo đã tự nguyện thăm hỏi, động viên và chi phí một khoản tiền 2.600.000 đồng bồi thường cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, như đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo là phù hợp.

- Các tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự do bị cáo có tiền án về tội “*Cố ý gây thương tích*”, chưa được xóa án tích.

[4] *Về hình phạt:* Với tính chất của vụ án, xét nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX thấy nên xét xử bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, cũng để làm bài học cho kẻ khác đang có ý đồ phạm tội.

[5] *Xét về vật chứng trong vụ án:*

Lưỡi kéo bằng kim loại, không gắn cán, đã bị cong biến dạng một phần, mũi kéo nhọn, chiều dài cả lưỡi kéo 14,7 cm, phần rộng nhất trên thân lưỡi kéo kích thước 1,7 cm, trên thân lưỡi kéo có một lỗ tròn đường kính 0,4 cm; lưỡi kéo đã qua sử dụng. Là công cụ bị cáo dùng thực hiện hành vi phạm tội. Cần tịch thu, tiêu hủy.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:*

Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 40.190.000đ (*Bốn mươi triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*), bao gồm các khoản: Chi phí thuốc men điều trị tại bệnh viện và sau khi ra viện, chi phí phương tiện đi lại, ăn, ở, ngày công lao động

của bị hại và người nhà đi theo chăm sóc tại bệnh viện, tiền đền bù tổn thất tinh thần của bị hại. Tại phiên Tòa, các bên tự thỏa thuận, bị cáo chấp nhận bồi thường cho bị hại số tiền nêu trên. HĐXX xét thấy việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

[7]. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo và bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về tội danh: Tuyên: Bị cáo **Vi Văn T** phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

Về điều luật: Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điểm a, c khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS.

Xử phạt: **Vi Văn T 06 (Sáu)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (18/12/2020).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường 40.190.000đ (*Bốn mươi triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*) cho Hà Văn T, sinh năm 2000, trú tại bản Púng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Về tang vật: Áp dụng: Khoản 1, điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật TTHS về xử lý vật chứng.

Tuyên: Tịch thu, tiêu huỷ: Lưỡi kéo bằng kim loại, không gắn cán, đã bị cong biến dạng một phần, mũi kéo nhọn, chiều dài cả lưỡi kéo 14,7 cm, phần rộng nhất trên thân lưỡi kéo kích thước 1,7 cm, trên thân lưỡi kéo có 01 (một) lỗ tròn đường kính 0,4 cm; lưỡi kéo đã qua sử dụng.

Vật chứng kể trên đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định chuyển vật chứng số: 16/QĐ-VKS-ML, ngày 31/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Biên bản giao nhận vật chứng số: 25/2021/TV-CCTHADS ngày 01/4/2021 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THADS huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Bị cáo được miễn án phí HSST.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; có mặt bị cáo, bị hại, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA, yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 của luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật THADS;

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo phải thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm, nếu không tự nguyện thì bị cưỡng chế theo điều 9 luật THADS, thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV TAND tỉnh;
- VKSND huyện M. Lát;
- VKSND tỉnh M. Lát
- Công an huyện M. Lát;
- CCTHADS huyện M.Lát;
- Sở Tư pháp Thanh Hoá;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người bào chữa;
- Hồ sơ THA HS
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Thị T